

Ma trận nội dung đề kiểm tra môn Toán học kì II lớp 3
Năm học 2017- 2018

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số học: Tìm số liền sau, so sánh các số có bốn hoặc năm chữ số; thực hiện các phép tính cộng, trừ các số có bốn hoặc năm chữ số; nhân, chia số có bốn hoặc năm chữ số với (cho) số có một chữ số.	Số câu	02			03					02	03
	Câu số	1,2			5,6 ,7						
	Số điểm	02			04					02	04
Đại lượng và đo đại lượng: Mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thông dụng (thời gian, độ dài, diện tích, ...). Giải bài toán có liên quan đến rút về đơn vị.	Số câu	01					01			01	01
	Câu số	4					8				
	Số điểm	01					02			01	02
Yếu tố hình học: Tính chu vi, diện tích hình chữ nhật.	Số câu	01								01	
	Câu số	3									
	Số điểm	01								01	
Tổng	Số câu	04			03		01			04	04
	Số điểm	04			04		02			04	06

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK II- NĂM HỌC 2017- 2018

MÔN: TOÁN - LỚP 3

Ngày.....tháng..... năm 2018

(Thời gian làm bài: ...phút, không kể thời gian giao đề)

Trường Tiểu học..... Họ và tên: Lớp: 3
--

ĐIỂM	CHỮ KÝ

Câu 1: (1,0 điểm). Khoanh vào trước câu trả lời đúng: (Mức 1)

a) Số liền sau của 42 099 là:

A. 42 100 B. 42 098 C. 43 099 D. 43 100

b) Số lớn nhất trong các số: 8 576 ; 8 756 ; 8 765 ; 8 675 là:

A. 8 576 B. 8 756 C. 8 765 D. 8 675

c) 1 giờ 15 phút = ... phút

A. 115 phút B. 615 phút C. 65 phút D. 75 phút

d) Ngày 28 tháng 4 là thứ sáu. Ngày 4 tháng 5 là thứ mấy?

A. Thứ tư B. Thứ năm C. Thứ bảy D. Chủ nhật

Câu 2: (1,0 điểm). Điền dấu: > < = (Mức 1)

a) 76 635 ... 76 653

b) 18 536 ... 17 698

c) 47 526 ... 47 520 + 6

b) 92 569 ... 92 500 + 70

Câu 3: (1,0 điểm). Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm. (Mức 2)

a) Diện tích của hình chữ nhật là:

A. 24 cm² B. 24cm C. 20 cm² D. 20 cm

b) Chu vi của hình chữ nhật là:

A. 10 cm B. 20cm C. 24 cm² D. 24 cm

Câu 4: (1,0 điểm). 12m7dm = ... dm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (Mức 1)

A. 1 207 dm B. 127 dm C. 1 270 dm D. 1 027 dm

Câu 5: (2,0 điểm). Đặt tính rồi tính: (Mức 2)

a) 27 684 + 11 023 b) 84 695 – 2 367 c) 1 041 x 7 d) 24 672 : 6

.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN- LỚP 3 - NĂM HỌC: 2017- 2018

Câu 1: (1,0 điểm). Khoanh đúng mỗi câu được 0,25 điểm.

- a). **A** b). **C** c). **D** d). **B**

Câu 2: (1,0 điểm). Điền đúng kết quả mỗi dòng được 0,25 điểm.

- a) $76\ 635 < 76\ 653$ (0,25 điểm).
b) $18\ 536 > 17\ 698$ (0,25 điểm).
c) $47\ 526 = 47\ 520 + 6$ (0,25 điểm).
d) $92\ 569 < 92\ 500 + 70$ (0,25 điểm).

Câu 3: (1,0 điểm). Khoanh đúng mỗi câu được 0,5 điểm.

- a) Diện tích của hình chữ nhật là: **A.** 24 cm^2 (0,5 điểm).
b) Chu vi của hình chữ nhật là: **B.** 20 cm (0,5 điểm).

Câu 4: (1,0 điểm). Khoanh đúng câu **B.** 127 dm .

Câu 5: (2,0 điểm).

- Đặt tính và tính đúng kết quả mỗi bài được 0,5 điểm; thiếu dấu gạch ngang 2 bài trừ 0,25 điểm.

- Sắp đúng phép tính, sai kết quả, mỗi bài được 0,25 điểm.

Kết quả đúng:

- a) **38 707** b) **82 328** c) **7 287** d) **4 112**

Câu 6: (1,0 điểm). Tính đúng mỗi bước tính được 0,5 điểm.

- a). $229 + 126 \times 3 = 229 + 378$ (0,25 điểm).
 $= 607$ (0,25 điểm).
b). $(9\ 759 - 7\ 428) \times 2 = 2\ 331 \times 2$ (0,25 điểm).
 $= 4\ 662$ (0,25 điểm).

Câu 7: (1,0 điểm). **Tìm X:** Tính đúng mỗi câu được 0,5 điểm; mỗi bước tính đúng 0,25 điểm.

- a). $X \times 6 = 2\ 412$
 $X = 2\ 412 : 6$ (0,25 điểm).
 $X = 402$ (0,25 điểm).
b). $X : 3 = 1\ 824$
 $X = 1\ 824 \times 3$ (0,25 điểm).
 $X = 5\ 472$ (0,25 điểm).

Câu 8: (2,0 điểm).

Bài giải:

Trong 1 giờ người đi ô tô đi được là: (0,25 điểm).

$$82 : 2 = 41 \text{ (km)}. \quad (0,75 \text{ điểm}).$$

Trong 5 giờ người đi ô tô đi được là: (0,25 điểm).

$$41 \times 5 = 205 \text{ (km)}. \quad (0,5 \text{ điểm}).$$

Đáp số: 205 km . (0,25 điểm).

Lưu ý: Học sinh có câu lời văn khác đúng vẫn được 0,25 điểm.

- Ví dụ: Quãng đường người đó đi ô tô trong 1 giờ là.

Người đó đi ô tô trong 1 giờ được là.

* Cách làm tròn điểm toàn bài kiểm tra sau khi chấm được tính như sau:

- Ví dụ: 8,25 làm tròn thành 8,0.

8,5 hoặc 8,75 làm tròn thành 9,0.